

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2021.

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba.

Ông Phạm Văn Huỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện LT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 838/2020/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn 01, xã CQ, huyện CX, tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ: C25K80, khu phố LĐ 01, phường T P, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

-Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn 01, xã CQ, huyện CX, tỉnh Hà Tĩnh.

Tạm trú: Tổ 01, Ấp 5, xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện nộp ngày 16 tháng 9 năm 2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu Tr tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, Quyền số 01 ngày 10/7/2009, do UBND xã Cẩm Quang cấp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, vợ chồng có sự khác nhau về lối sống, quan điểm nên thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn với nhau; vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Trước khi ly thân, vợ chồng chung sống với nhau tại Dĩ An, Bình Dương. Từ tháng 02/2016 chị về sống tại xã , huyện CX, tỉnh Hà Tĩnh, anh Tr vẫn tiếp tục sinh sống ở miền Nam.

Nay, chị nhận thấy tình trạng hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Hữu Tr không còn nữa nên chị đề nghị Toà án cho chị ly hôn với anh Nguyễn Hữu Tr.

* Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 (hai) con chung là:

- Nguyễn Hữu H, sinh ngày: 12/01/2010.

- Nguyễn Hữu B, sinh ngày: 04/04/2015.

Chị yêu cầu giải quyết về con chung như sau: Chị yêu cầu chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Hữu B, anh Nguyễn Hữu Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Hữu H.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị không yêu cầu anh Nguyễn Hữu Tr cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hữu B. Chị không cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hữu H.

* Về tài sản chung: Không có. Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Không có. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2020 và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Hữu Tr trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Th xây dựng gia đình vào năm 2009, có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 10/7/2009.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vào ngày 28/12/2016 (âm lịch) chị Th đưa cháu Nguyễn Hữu B đi về nhà chị ruột của chị Th ở Thành phố Cần Thơ chơi mà không báo và nói anh một tiếng nên từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho tới nay. Từ năm 2016 đến nay anh có kêu chị Th về chung sống và lo cho con cái nhưng chị Th không đồng ý.

Nay chị Th xin ly hôn, anh không đồng ý thuận tình ly hôn vì hai đứa con anh còn quá nhỏ nên anh không muốn nó thiếu tình cảm cha mẹ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hữu H, sinh ngày 12/01/2010 và cháu Nguyễn Hữu B, sinh năm 04/4/2015.

Nếu ly hôn anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu H và cháu Nguyễn Hữu B. Anh yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng/02 cháu. Hiện cháu H đang ở với anh, cháu B đang ở với chị Th.

Chị Th yêu cầu nuôi cháu B anh cũng không đồng ý.

Hiện anh đang làm công nhân mỗi tháng thu nhập trung bình 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được đảm bảo quyền lợi và chấp hành pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh Tr. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 12/01/2010 cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Hữu B, sinh ngày 04/4/2015 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa chị Th và anh Tr xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/6/2009 tại UBND xã CQ, huyện CX, tỉnh Hà Tĩnh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, Quyền số 01 ngày 10/7/2009 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị Th và anh Tr sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Th và anh Tr là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th yêu cầu ly hôn với anh Tr là có cơ sở nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn, xử cho chị Th ly hôn với anh Tr.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hữu H, sinh ngày 12/01/2010 và cháu Nguyễn Hữu B, sinh năm 04/4/2015.

Chị Th yêu cầu tiếp nuôi dưỡng cháu B; giao cháu H cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Tr không đồng ý, anh Tr yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu H và cháu B. Anh Tr yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng/02 cháu.

Xét yêu cầu của chị Th là có cơ sở; bởi vì cháu B do chị Th nuôi dưỡng từ khi anh Tr và chị Th sống ly thân với nhau cho đến nay; còn đối với cháu H anh Tr cũng trực tiếp nuôi dưỡng từ năm 2016 cho đến nay nên xử giao cháu B cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng cháu H.

Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th đối với anh Nguyễn Hữu Tr về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Tr.

2. Về con chung : Có 02 con chung tên Nguyễn Hữu H, sinh ngày 12/01/2010 và cháu Nguyễn Hữu B, sinh năm 04/4/2015.

Xử giao cháu Nguyễn Hữu B cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Hữu H cho anh Nguyễn Hữu Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tr, chị Th có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Tr, chị Th lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì anh Tr, chị Th có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của anh Tr, chị Th. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Th đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004864 ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT (Chị Th đã nộp xong).

5. Chị Th, anh Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện LT;
- Chi cục THADS huyện LT;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, BP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Hưng